

Bản án số: 59/2022/HS-ST
Ngày: 19/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hoài.

Bà Trần Thị Kim Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị M Hiền – Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Thị O; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 02/7/1984. Nơi sinh: Nam Trực – Nam Định. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Tương Nam, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề ngH: Lao động tự do; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Đoàn Văn Tiến; sinh năm: 1962; Nghề ngH: Lao động tự do; Con bà: Nguyễn Thị Loan; sinh năm: 1963; Nghề ngH: Lao động tự do; Con: có một con sinh năm 2003; Chồng: Nguyễn Văn Nam; sinh năm: 1974 (Đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: Chưa

Nhân thân: Ngày 12/4/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 17 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 29/12/2021, bị Công an Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị khởi tố bị can ngày 09/3/2022, tạm giam từ ngày 23/5/2022, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tiến D; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 03/3/1975; Nơi sinh: huyện Kỳ Anh – tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề ngH: Lao động tự do; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Tiến K (Liệt sỹ); Con bà: Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1945; Vợ: Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1974; Nghề ngH: Giáo viên; Con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không

Bị khởi tố bị can ngày 09/3/2022, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ 09/3/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Thị Thanh Th; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/02/1988 tại: TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: số nhà 789B, tổ 17, khối phố 1, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề ngH: Lao động tự do; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phan Văn H; Sinh năm: 1963; Nghề ngH: Lao động tự do; Con bà: Đoàn Thị P; Sinh năm: 1964; Nghề ngH: Lao động tự do. Con: 01 người con sinh năm 2011; Chồng: Trần Trường Th1 - sinh năm: 1975. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị khởi tố bị can ngày 14/4/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ 14/4/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Đoàn Thị N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 26/3/1991 tại: huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng B. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Sỏi Làng, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề ngH: Lao động tự do; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đoàn Văn Q; sinh năm: 1961; Con bà: Phạm Thị V; sinh năm: 1962; Chồng: Nguyễn Văn M; sinh năm: 1992; Nghề ngH: Lao động tự do. Con: 02 người con lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị khởi tố bị can ngày 11/5/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ 11/5/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Trần Thị T; SN 1981; Trú tại: Thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Phan Thị T, SN 1994; Trú tại: Xóm 2, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

- Nguyễn Văn M; SN 1982; Trú tại: Thôn Sỏi Làng, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2018 đến tháng 01/2020, Đoàn Thị O đã nhận 20 hồ sơ của các công dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Quảng B, Nam Định và thành phố Hà Tĩnh để làm thủ tục xuất cảnh lao động tại Canada theo diện tour du lịch hoặc S Hàn Q theo diện ông chủ người Hàn Q bảo lãnh S làm việc tại đảo Jeju. Sau khi nhận hồ sơ mặc dù không được cấp visa nhưng O đã gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người lao động. Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, năm 2019, thông qua giới thiệu của Nguyễn Tiến D, Đoàn Thị O đã tổ chức cho Nguyễn Trọng B và Huỳnh Văn S làm thủ tục xin cấp visa du lịch đi Canada, đưa cả hai xuất cảnh, S Canada theo diện du lịch vào tháng 11/2019 sau đó trốn ở lại, hiện cả hai đang lao động tại Canada. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh tách hành vi của Đoàn Thị O và N người liên quan có dấu hiệu của tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” và chuyển Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh để điều tra theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra xác định: Từ năm 2015, Đoàn Thị O tham gia làm việc trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, xin visa du lịch. Từ năm 2018 đến năm 2020, Đoàn Thị O đã nhận 22 hồ sơ để đưa người trốn đi các nước Canada, Hàn Q lao động. Đoàn Thị O đã trực tiếp nhận 08 hồ sơ của người lao động gồm: Phạm Hữu Trình, Phạm Hữu Quỳnh, Phan Văn Giáp, Trương Đăng Trung, Vũ Văn Tám, Trần Văn Ánh, Ngô Văn Hiệu, Trần Đức Mạnh; 10 hồ sơ qua Nguyễn Tiến D gồm: Nguyễn Tiến Hà, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Trọng B, Trần Khắc Sự, Huỳnh Văn S, Nguyễn Văn Mạnh; Trần Thương, Võ Văn Huỳnh, Hoàng Anh Tiến; 02 hồ sơ qua Nguyễn Thị Bé gồm chị Trịnh Thị Ánh Đào, Lê Công Tuấn Anh; 01 hồ sơ qua anh Phan Đình Nam (chưa rõ lai lịch) là Mai Văn Hòa và 01 hồ sơ qua Nguyễn Thị M Nguyệt (chưa rõ lai lịch) là Trần Q Hữu. Trong số 22 hồ sơ này, chỉ có Huỳnh Văn S, Nguyễn Trọng B là khách của Nguyễn Tiến D giới thiệu đã xuất cảnh được S Canada theo hình thức visa du lịch, trốn ở lại lao động. Cụ thể:

Khoảng đầu năm 2018, Đoàn Thị O quen biết Nguyễn Tiến D là giám đốc công ty TNHH Biên Dương có trụ sở tại xã Kỳ Đồng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, hoạt động trong lĩnh vực môi giới việc làm. Nhằm thu lợi nhuận, Nguyễn Tiến D gọi điện cho Đoàn Thị O đặt vấn đề làm hồ sơ, thủ tục đưa người đi nước ngoài lao động, Đoàn Thị O đồng ý. Khoảng tháng 02/2019, Nguyễn Tiến D liên hệ với O để làm hồ sơ cho Huỳnh Văn S và Nguyễn Trọng B đi Canada lao động, hai bên thống nhất làm hồ sơ đi Canada theo diện visa du lịch có thời hạn 10 năm nhưng chỉ lưu trú được 01 tháng, có thể gia hạn tối đa 06 tháng. Chi phí 17.000USD/người, gồm 15.000USD tiền chi phí và 2.000USD tiền trảng

visa (đặt các tour đi du lịch một số nước để dễ được cấp visa), đặt cọc trước 2.000USD, khi lăn vân tay đóng tiếp 3.000USD, khi có visa nộp đủ số tiền còn lại. Đến Canada, Đoàn Thị O sẽ giúp đỡ, hỗ trợ tìm kiếm việc làm tại Canada. Nguyễn Tiến D báo cho Huỳnh Văn S, Nguyễn Trọng B chi phí là 22.000USD, S và B đồng ý, cả hai nộp hồ sơ và chuyển tiền đặt cọc 2.000USD cho D. Nguyễn Tiến D đã gửi cùng lúc hai hồ sơ của Huỳnh Văn S và Nguyễn Trọng B ra Hà Nội bằng xe khách cho O. Khi nhận được hồ sơ, Đoàn Thị O tiến hành đặt các tour cho cả S và B đi du lịch các nước Singapore, Thái Lan, Nhật Bản để tránh visa, chi phí hết 2.000USD/người.

Đối với trường hợp Nguyễn Trọng B: Đoàn Thị O liên hệ, gửi hồ sơ của B cho Phan Thị Thanh Th ở thành phố Hồ Chí M để Th làm thủ tục cấp visa du lịch, mục đích để xuất cảnh S Canada lao động, O và Th thống nhất tổng chi phí là 15.000USD gồm 13.000USD tiền chi phí và 2.000USD tiền vé máy bay, đặt cọc trước 2.000USD, số còn lại sẽ thu nếu làm được visa. Hồ sơ bắt buộc phải có là các thông tin cá nhân (Hộ chiếu, ảnh, chứng M nhân dân, hộ khẩu...) còn hồ sơ chứng M tài chính (số dư trong tài khoản ngân hàng), hồ sơ công việc, thu nhập hàng tháng thì Phan Thị Thanh Th có trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung. Khi nhận hồ sơ của Nguyễn Trọng B, do không có khả năng làm, bổ sung các hồ sơ liên quan đến chứng M tài chính, số dư tài khoản, chứng M công việc nên Phan Thị Thanh Th đã thông một người đàn ông tên Hùng để gửi hồ sơ của Nguyễn Trọng B cho Công ty Lepro (Th khai có trụ sở tại TP Hồ Chí M). Công ty Lepro hoàn thiện, bổ sung hồ sơ còn thiếu của Nguyễn Trọng B với chi phí là 2.000USD, khi làm được visa thì nộp thêm 1.000USD và chi phí ghép Tour du lịch Canada cho B là 7.000USD (chưa bao gồm vé máy bay). Sau khi hoàn thiện hồ sơ và xin thư mời đi du lịch từ Canada cho Nguyễn Trọng B, Công ty Lepro gửi hồ sơ cho Tổng Lãnh sự quán Canada tại thành phố Hồ Chí M để xin cấp visa.

Đối với trường hợp Huỳnh Văn S: Do thời điểm này Phan Thị Thanh Th nhận nhiều hồ sơ, chậm làm được visa nên Đoàn Thị O gửi hồ sơ của Huỳnh Văn S cho Đoàn Thị N ở thành phố Hà Nội để N làm thủ tục cấp visa du lịch, mục đích xuất cảnh S Canada lao động. Khi Đoàn Thị N báo giá là 22.000USD, O đã báo lại, thống nhất với Nguyễn Tiến D chi phí của Huỳnh Văn S là 22.000USD. Khoảng tháng 9/2019, Đoàn Thị O gửi hồ sơ của Huỳnh Văn S cho Đoàn Thị N, thời điểm này do đang mang thai nên N nhờ Nguyễn Văn M (chồng N) nhận hồ sơ và chuyển cho Hoàng Thu Trang tại thành phố Hồ Chí M để hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, N và Trang thống nhất chi phí là 19.000USD. Khi đã đủ các giấy tờ cần thiết, Hoàng Thu Trang gửi hồ sơ cho Tổng lãnh sự quán Canada tại thành phố Hồ Chí M để xin cấp visa.

Cả hai trường hợp Nguyễn Trọng B và Huỳnh Văn S, khi có lịch lẫn vân tay thì Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N thông báo cho O để O báo lại cho B và S vào Tổng lãnh sự quán Canada tại thành phố Hồ Chí M lẫn vân tay. Khoảng 01 tháng sau cả hai có visa du lịch, Đoàn Thị O bảo Nguyễn Tiến D thu từ khách để chuyển O số tiền còn lại. Nguyễn Tiến D đã thu Huỳnh Văn S đủ 22.000USD, thu từ Nguyễn Trọng B được 19.000USD (B còn thiếu 3.000USD đến nay chưa trả). Nguyễn Tiến D đã chuyển khoản từ tài khoản số 0201000284435 mở tại ngân hàng Vietcombank của D chuyển khoản S tài khoản ngân hàng của Đoàn Thị O đủ số tiền như thỏa Th. Đoàn Thị O sử dụng tài khoản số 109006823199 mở tại ngân hàng Viettinbank của O chuyển vào tài khoản ngân hàng số 19033598674015 tại ngân hàng Techcombank của Phan Thị Thanh Th, chuyển vào tài khoản ngân hàng số là 53110000528308 tại ngân hàng BIDV của Đoàn Thị N đủ số tiền như thỏa Th. Phan Thị Thanh Th đã chuyển 10.000USD cho công ty Lepro thông qua tài khoản của người đàn ông tên Hùng (Th không nhớ rõ tài khoản) và thanh toán 2.000USD tiền vé máy bay. Đoàn Thị N đã chuyển khoản 19.000USD cho Hoàng Thu Trang.

Tháng 10/2019, Huỳnh Văn S có lịch bay, khi đến Canada do không nhập cảnh được phải quay về Việt Nam, sau đó Đoàn Thị O đã liên hệ Đoàn Thị N để tiếp tục làm thủ tục đưa S đi Canada. Tháng 11/2019, Huỳnh Văn S, Nguyễn Trọng B nhập cảnh Canada thành công, do Huỳnh Văn S biết tiếng Anh và tiếng Trung Q nên tự liên hệ xin việc, còn B được Đoàn Thị O nhờ một người đàn ông tên Tuấn (không nhớ rõ lai lịch) xin việc giúp.

Quá trình tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, mục đích nhằm tạo uy tín nên Đoàn Thị O không thu lợi. Sau khi trừ các loại chi phí, Nguyễn Tiến D, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N mỗi người hưởng lợi 1.000USD.

Ngoài hành vi tổ chức cho Huỳnh Văn S và Nguyễn Trọng B, đối với 20 trường hợp còn lại, kết quả điều tra xác định:

Từ năm 2018 đến năm 2020, Đoàn Thị O đã nhận 20 hồ sơ gồm 17 hồ sơ đưa người đi Canada, 03 hồ sơ đưa người đi Hàn Q để trốn ở lại lao động. Sau khi nhận hồ sơ, Đoàn Thị O không đủ khả năng làm thủ tục đi Canada, Hàn Q nhưng không trả lại chi phí đã nhận, có hành vi gian dối. Hành vi của Đoàn Thị O đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Trong số 17 hồ sơ đưa người đi Canada: 16 hồ sơ chưa được cấp visa gồm: 07 hồ sơ Đoàn Thị O nhận trực tiếp, 01 hồ sơ thông qua Nguyễn Thị M Nguyệt (chưa rõ lai lịch), 03 hồ sơ qua Nguyễn Thị Bé, 02 hồ sơ qua Nguyễn Thị Cúc, 01 hồ sơ thông qua Nguyễn Ngọc Thạch, 02 hồ sơ thông qua Nguyễn Tiến D nhưng chưa có visa và 01 hồ sơ đã có visa là Nguyễn Đình Thi (thông qua

Nguyễn Tiến D). Kết quả xác M xuất nhập cảnh, lấy lời khai cho thấy tất cả 17 hồ sơ xin visa để đưa người đi Canada đến nay chưa xuất cảnh. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý N người liên quan về hành vi “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Đối với 03 hồ sơ tổ chức đi Hàn Q:

+ Hồ sơ Mai Văn Họa: Đoàn Thị O nhận từ một người đàn ông chưa rõ lai lịch tên Phan Đình Nam giới thiệu. Tuy nhiên do trước đó Họa đã bị Hàn Q trục xuất nên Họa không được làm thủ tục xuất cảnh tại Việt Nam, do đó chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý Nam về hành vi “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

+ Hồ sơ Phạm Hữu Trình gửi trực tiếp cho Đoàn Thị O, O đã tổ chức cho xuất cảnh nhưng không nhập cảnh thành công nhưng không trả lại chi phí đã nhận, có hành vi gian dối, hành vi của Đoàn Thị O đã bị TAND Tỉnh Hà Tĩnh xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Hồ sơ Trịnh Thị Ánh Đào: Đoàn Thị O nhận từ Nguyễn Thị Bé giới thiệu: Đoàn Thị O hứa hẹn sẽ bố trí cho Đào xuất cảnh S Hàn Q theo hình thức có ông chủ Hàn Q bảo lãnh trông rọt tại đảo Jeju, hình thức lao động hợp pháp sau đó O đã tổ chức thuê người Hàn Q đi cùng Trịnh Thị Ánh Đào xuất cảnh S Hàn Q nhưng Đào nhập cảnh không thành công. Nguyễn Thị Bé không biết trước là Đoàn Thị O đưa Trịnh Thị Ánh Đào đi bằng hình thức du lịch rồi sẽ trốn ở lại lao động bất hợp pháp. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý Nguyễn Thị Bé về hành vi “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

* *Vật chứng thu giữ*: Quá trình điều tra Cơ quan An ninh điều tra thu giữ:

- 01 điện Th1 di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng đã qua sử dụng cùng thẻ sim số điện Th1 0988172327 thu của Nguyễn Tiến D;

- 01 điện Th1 di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen- bạc đã qua sử dụng cùng thẻ sim số điện Th1 0832020288 thu của Phan Thị Thanh Th;

- 01 Điện Th1 di động nhãn hiệu Iphone 6s màu xám đã qua sử dụng cùng thẻ sim số điện Th1 0963607636 thu của Đoàn Thị N.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKS-P1 ngày 19/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố các bị cáo Đoàn Thị O, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự; Nguyễn Tiến D về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội D bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 BLHS xử phạt Đoàn Thị O từ 24 đến 30 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 17 năm tù tại bản án

số 09/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, buộc bị cáo phải thi hành là từ 19 năm đến 19 năm 6 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt Phan Thị Thanh Th từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt Đoàn Thị N từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 32, Điều 35, khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền mỗi bị cáo 10 đến 20 triệu đồng.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự truy thu số tiền các bị cáo: Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N mỗi bị cáo 1.000 USD nộp ngân sách nhà nước tính theo tỷ giá hối đoái của Ngân hàng nhà nước về ngoại tệ tại thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khai nhận tội đúng như nội D đã được nêu tóm tắt ở phần nội D vụ án. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 02/2019, Nguyễn Tiến D đã trực tiếp trao đổi, thỏa Th, nhận hồ sơ, tiền của 02 người lao động là Huỳnh Văn S, Nguyễn Trọng B và chuyển cho Đoàn Thị O làm thủ tục để đưa S và B đi Canada dưới hình thức du lịch để

trốn ở lại lao động nhằm mục đích thu lợi bất chính. Sau khi nhận hồ sơ của Huỳnh Văn S, Nguyễn Trọng B, Đoàn Thị O đăng ký các tour du lịch để dễ làm visa cho S, B. Sau đó Đoàn Thị O liên hệ, đặt vấn đề với Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N để làm hồ sơ xin cấp visa du lịch S Canada cho Huỳnh Văn S và Nguyễn Trọng B nhằm trốn ở lại lao động. Phan Thị Thanh Th đã giúp sức cho Đoàn Thị O làm hồ sơ, thủ tục tổ chức cho Nguyễn Trọng B, Đoàn Thị N đã giúp sức cho Đoàn Thị O làm hồ sơ, thủ tục tổ chức cho Huỳnh Văn S S Canada để trốn ở lại lao động trái phép nhằm thu lợi.

Quá trình tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, Đoàn Thị O nhằm mục đích tạo uy tín nên không hưởng lợi. Sau khi trừ chi phí, Nguyễn Tiến D, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N mỗi người hưởng lợi 1.000USD. Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Đoàn Thị O, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Do vậy cáo trạng số 61/CT-VKS-P1 ngày 19/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố các bị cáo Đoàn Thị O, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự; Nguyễn Tiến D về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận định:

Thời gian gần đây, hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép diễn ra hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng với nhiều hình thức khác nhau. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của Nhà nước. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và bị Nhà nước cấm nhưng cố ý thực hiện, vì vậy hành vi đó cần xử lý nghiêm M trước pháp luật nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này bị cáo Đoàn Thị O giữ vai trò chính, bị cáo O là người nhận hồ sơ, nhận tiền từ bị cáo D, đặt các tour cho Nguyễn Trọng B và Huỳnh Văn S đi du lịch các nước để làm đẹp hồ sơ (tráng visa), và xâu nối với các bị cáo Th, N để làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ cho B và S xuất cảnh S Canada rồi trốn ở lại. Nguyễn Tiến D có vai trò thứ hai trong vụ án, là người môi giới nhận

hồ sơ, trực tiếp nhận tiền từ người lao động, chủ động liên hệ với bị cáo O để làm hồ sơ thủ tục cho người lao động trốn đi nước ngoài trái phép; Bị cáo D và O phải chịu trách nhiệm về tội tổ chức, môi giới cho 2 người trốn đi nước ngoài. Bị cáo Th, N có vai trò là N người giúp sức trong vụ án.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Đoàn Thị O có nhân thân: Ngày 12/4/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 17 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 29/12/2021, bị Công an Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đoàn Thị O thành khẩn khai báo; có ông nội Đoàn Văn Châu tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Tiến D thành khẩn khai báo, Nguyễn Tiến D là con của liệt sỹ và là người con duy nhất thờ cúng liệt sỹ, hiện đang phụng dưỡng mẹ là vợ liệt sỹ, quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính chứng tỏ bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Bị cáo Phan Thị Thanh Th thành khẩn khai báo; tự nguyện trình diện, hợp tác trong quá trình điều tra vụ án. Phan Thị Thanh Th là lao động chính, một mình nuôi con nhỏ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Đoàn Thị N thành khẩn khai báo, thời điểm phạm tội đang mang thai; có ông Nguyễn Văn Sơn (ông ngoại chồng) là liệt sỹ và bà Nguyễn Thị Như (bà ngoại chồng) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; hiện nay bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, phụng dưỡng bà Nguyễn Thị Như (vợ liệt sỹ) và thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Văn Chuẩn (em ruột bà Như) quy định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Tiến D, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm.

Tiền thu lợi bất chính: Các bị cáo thực hiện hành vi vì mục đích vụ lợi nên cần phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng

Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ các bị cáo Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N mỗi bị cáo 23.585.000đ (tương đương 1.000 USD)

[5] N nội D liên quan khác trong vụ án:

- Đối với Công ty có tên Lepro và người đàn ông tên Hùng: Phan Thị Thanh Th khai đã chuyển hồ sơ của Nguyễn Trọng B để hoàn thiện hồ sơ xin visa du lịch đi Canada thông qua người đàn ông tên Hùng. Tuy nhiên, Phan Thị Thanh Th không biết rõ thông tin, địa chỉ cụ thể của công ty Lepro cũng như lai lịch người

đàn ông tên Hùng. Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí M cho biết không tìm thấy thông tin đăng ký dO ngH của công ty Lepro có trụ sở tại thành phố Hồ Chí M như Th đã khai. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác M nhưng do Phan Thị Thanh Th cung cấp thông tin không đầy đủ nên Cơ quan điều tra không xác định được công ty Lepro và lai lịch của người đàn ông tên Hùng. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với Hoàng Thu Trang: là người được Đoàn Thị N chuyển hồ sơ của Huỳnh Văn S để làm thủ tục xin visa du lịch đi Canada. Tuy nhiên, quá trình điều tra, xác M, Hoàng Thu Trang không có mặt tại địa phương, không rõ hiện nay ở đâu, làm gì. Do đó, chưa có căn cứ để xử lý hình sự đối với Hoàng Thu Trang.

- Đối với Nguyễn Văn M: được Đoàn Thị N nhờ nhận hồ sơ của Huỳnh Văn S từ Đoàn Thị O và chuyển cho Hoàng Thu Trang. Tuy nhiên M không biết cụ thể nội D sự việc, không biết mục đích của N nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn M là có căn cứ.

- Đối với người đàn ông tên Tuấn (không nhớ rõ lai lịch) là người Đoàn Thị O khai nhờ xin việc giúp Nguyễn Trọng B, do O cung cấp thông tin không đầy đủ nên Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch của Tuấn. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các công ty và các cá nhân nêu trên, Cơ quan điều tra tiếp tục xác M, thu thập thông tin, tài liệu có liên quan, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và mức án đề nghị xử phạt các bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thị O, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị O 24 (hai bốn) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 17 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, buộc bị cáo phải thi hành là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị Thanh Th 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Đoàn Thị N 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến D cho UBND xã Kỳ Đồng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Phan Thị Thanh Th cho UBND phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Đoàn Thị N cho UBND xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 32, Điều 35, khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự;

Phạt bổ sung bằng tiền các bị cáo: Đoàn Thị O, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N, Nguyễn Tiến D mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ các bị cáo Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N mỗi bị cáo 23.585.000đ (tương đương 1.000 USD)

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện Th1 di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng đã qua sử dụng cùng thẻ sim số điện Th1 0988172327 thu của Nguyễn Tiến D; 01 điện Th1 di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen- bạc đã qua sử dụng cùng thẻ sim số điện Th1 0832020288 thu của Phan Thị Thanh Th; 01 Điện Th1 di động nhãn hiệu Iphone 6s màu xám đã qua sử dụng cùng thẻ sim số điện Th1 0963607636 thu của Đoàn Thị N.

Tình trạng các vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về án phí

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc các bị cáo Đoàn Thị O, Phan Thị Thanh Th, Đoàn Thị N, Nguyễn Tiến D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- CA, VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PC 01, PA 09 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam CA Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quang Năng